

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỒNG THÁP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2025

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bi.

2. Ông Lê Thành Thanh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp, không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 07 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2025, về tranh chấp: *Xin ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp TQ, xã TT, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Trần Minh C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp TQ, xã TT, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà V và ông C xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông C tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1985, tại ấp TQ, xã TT nhưng không tổ chức cưới, không có đăng ký kết hôn. Bà V và ông C có nghe Ủy ban nhân dân xã Tân Thới thông báo về việc nam nữ sống chung như vợ chồng phải đăng ký kết hôn, nhưng do không hiểu biết nên nghĩ là không cần thiết nên không đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ngoài ra, ông C còn thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi và đánh bà V. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà V và ông

C sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Thời gian sống ly thân, có trao đổi nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà V yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà V và ông C có 03 con chung tên Trần Văn Thái, sinh năm 1986 (đã chết), Trần Thị Kim Pho, sinh năm 1991, Trần Thanh Diệu, sinh năm 1992. Pho và Diệu đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai, bị đơn ông Trần Minh C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà V chung sống như vợ chồng từ năm 1985, không tổ chức cưới, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay bà V xin ly hôn, ông C đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như bà V trình bày. Con tên Trần Văn Thái đã chết. Con tên Trần Thị Kim Pho và Trần Thanh Diệu đã trên 18 tuổi và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Bà Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh C nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không yêu cầu phản tố.

Bà Nguyễn Thị V và ông Trần Minh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt bà V và ông C.

[2] Về nội dung vụ kiện

[2.1] Về căn cứ pháp luật:

Theo đơn xin ly hôn, lời trình bày của các đương sự, bà V và ông C tiến đến hôn nhân từ năm 1985 nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000, quy định: “a. Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”. Bà V và ông C chung sống với nhau từ năm 1985. Tuy không đăng ký kết hôn nhưng là hôn nhân thực tế nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 giải quyết yêu cầu ly hôn của bà V.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân:

Tại bản tự khai, bà V và ông C trình bày thống nhất, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 do ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn phát sinh trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay. Xét thấy, thời gian sống ly thân, bà V và ông C không giải quyết được mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà V xin ly hôn vì cho rằng không còn tình cảm với ông C. Ông C thì đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V. Do đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà V và ông C đã trầm trọng. Vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2.3] Về con chung:

Bà V và ông C có 03 con chung. Con tên Trần Văn Thái đã chết. 02 con tên Trần Thị Kim Phò và Trần Thanh Diệu đã trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
- Ông Trần Minh C không nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội khóa X;
- Điều 85 và 90 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;
- Điều 5; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị V.
- Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị V và ông Trần Minh C.

2. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0010855, ngày 27/5/2025, của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, bà V đã nộp xong án phí.

- Ông Trần Minh C không nộp tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Đồng Tháp để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND KV2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thới;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Thị Hoàng Nhi